

Số: 53 /QĐ-THCSKK

Kiều Kỳ, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán Quý III năm 2023 và bổ sung dự toán lần 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS KIỀU KỶ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND Huyện Gia lâm về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023.

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán đến 30/09/2023 của Trường THCS Kiều Kỳ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán Quý III năm 2023 và bổ sung dự toán lần 2 năm 2023
(theo biểu số 03, 02 đính kèm).

Địa điểm công khai: niêm yết tại bảng tin công khai của nhà trường

Thời gian công khai 90 ngày : Từ ngày 11 tháng 10 năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH, Bộ phận kế toán, các đoàn thể và toàn thể các đồng chí CBGV - NV có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử ;
- Ban TTND, BCH Công đoàn;
- Lưu: VT, KT.


HIỆU TRƯỞNG

Trương Thị Kim Huế

CÔNG KHAI

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023)

(Kèm theo Quyết định số 140 /QĐ-THCSKK ngày 10 /10/2023 của Trường THCS Kiều Kỳ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Kiều Kỳ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý III năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện Quý 3 năm 2023	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu sự nghiệp	2.888.730.000	0	0,0%	
1.1	Học phí	796.500.000	0	0,0%	
1.2	Học 2 buổi	642.600.000	0	0,0%	
1.3	Học thêm	1.449.630.000	0	0,0%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.888.730.000	303.114.774	10,5%	217,6%
2.1	Chi sự nghiệp	2.888.730.000	303.114.774	10,5%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Học phí	796.500.000	260.826.510		
	Học 2 buổi	642.600.000	0	0,0%	
	Học thêm	1.449.630.000	42.288.264	2,9%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0	0,0%	0,0%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0,0%	0,0%
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
			1.486.924.279	21,7%	122,1%
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	6.846.000.000	1.486.924.279	21,7%	122,1%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.846.000.000	1.486.924.279	21,7%	122,1%

3,1	Kinh phí thực hiện chi thường xuyên	6.846.000.000	0	0,0%	
	KP tiết kiệm 10% CCTL	0			
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân	5.376.237.000	1.243.610.648	23,1%	110,0%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	224.000.000	9.357.120	4,2%	97,1%
6550	Vật tư văn phòng	277.467.000	24.396.500	8,8%	78,6%
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	50.760.000	3.279.001	6,5%	94,5%
6650	Chi hội nghị	72.403.000	13.910.000	19,2%	
6700	Thanh toán công tác phí	36.600.000	5.400.000	14,8%	54,6%
6750	Chi phí thuê mướn	146.566.000	28.040.000	19,1%	175,3%
6900+7053	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	231.369.000	3.735.000	1,6%	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	340.948.000	106.772.010	31,3%	633,8%
7750	Chi khác	89.650.000	48.424.000		
1.2	Kinh phí chi không thường xuyên	0			
6001-6304	Chi thanh toán cá nhân	0			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng				
6550	Vật tư văn phòng				
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc				
6650	Chi hội nghị				
6700	Thanh toán công tác phí				
6750	Chi phí thuê mướn				
6900+7050	Chi mua sắm, sửa chữa lớn				
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
7750	Chi khác				

ngày 10 tháng 10 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Kim Huế

CÔNG KHAI
SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
Quý III NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán đến 30/09/2023 Trường THCS Kiều Kỵ. thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III năm 2023, cụ thể như sau (*Số liệu chi tiết theo biểu 03 kèm theo*):

I- Tổng số thu, chi nộp ngân sách, phí, lệ phí:

1-Thu phí, lệ phí: Không có

2-Thu – chi sự nghiệp khác:

- **Thu:** Thực hiện trong quý 3 năm 2023 là : 0 đồng

- **Chi:** Thực hiện trong quý 3 năm 2023 là 303114774 đồng đạt 13% so với dự toán năm 2023, đạt 217,6% so với cùng kỳ năm trước tăng 117.6%

II- Chi NSNN

1-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

Thực hiện trong quý 3 năm 2023 là 1.486.924.279 đồng đạt 22,8% so với dự toán năm 2023, đạt 118,8% so với cùng kỳ năm trước tăng 18,1%.

Trong đó so với dự toán năm 2023:

- Chi thanh toán cá nhân : 1.243.610.648 đồng đạt 24,5% 57%.

- Vật tư văn phòng: 24.396.500 đồng đạt 10,0%.

- Thông tin tuyên truyền liên lạc : 3279.001 đồng đạt 6,5%.

- Chi Hội Nghị: 13.910.000 đồng đạt 41.5%

- Chi phí thuê mướn : 28.040.000 đồng đạt 20.8% .

- Công tác phí : 5.400.000 đồng đạt 14.8%

- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 106.772.010 đạt 26,7% .

- Chi mua sắm sửa chữa: 3.735.000 đồng, đạt 1.8%

- Chi khác: 48.424.000 đồng



2. Kinh phí không tự chủ: không có

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III năm 2023.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Kim Huế



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Bộ Tài chính
TRƯỜNG THCS KIỀU KỲ
CHƯƠNG: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 53 /QĐ- THCSKK ngày 10 tháng 10 năm 2023
của trường THCS Kiều Kỳ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	168,775
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	168,775
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	